

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **128/2024/HS-ST**
Ngày 05 - 6 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Chính**; Chức vụ: Nguyên Chủ tịch UBMTTQ xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn;

2. Ông **Nguyễn Thanh Nhựt**; Chức vụ: Chuyên viên Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hóc Môn;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hà Kim Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh H** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự đã thụ lý số: 93/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2024/HSST-QĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**; sinh ngày 06 tháng 6 năm 2007; nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: 78 Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thanh S và bà Huỳnh Ngọc H1; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H từ ngày 21/10/2023. (có mặt)

2. Họ và tên: **La Minh P**; sinh ngày 22 tháng 11 năm 2007; nơi sinh: tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi thường trú: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: 85E Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: La Vũ Hoàng H2 và bà Nguyễn Thị B; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H từ ngày 21/10/2023. (có mặt)

Những người tham gia tố tụng:

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thanh T:

+ Ông **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1978; (vắng mặt)

+ Bà **Huỳnh Ngọc H1**, sinh năm 1986; (có mặt)

Là cha, mẹ ruột của bị cáo; Nơi cư trú: 78 Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo La Minh P*: Ông **La Vũ Hoàng H2**, sinh năm 1984; Là cha ruột của bị cáo; Nơi cư trú: 85E Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T*: Bà **Trần Thị H3** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H. Địa chỉ: D N, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo La Minh P*: Bà **Trần Đồng Minh Ngọc Kim K** – Trợ giúp viên pháp lý thực của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H. Địa chỉ: D N, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị hại*:

1. Bà **Phạm Thị L** - sinh năm: 1971. Địa chỉ: 5 Ấp A, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Anh **Lê Tuấn K1** - sinh năm: 2001. Địa chỉ: 1 Ấp B, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Cháu **Ngô Khả V**, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2008; (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho cháu Ngô Khả V:

+ Ông **Ngô Vi T1**, sinh năm 1985; (vắng mặt)

+ Bà **Trần Thị Ngọc A**, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 2 Đ, Khu phố B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh **Nguyễn Văn N** - sinh năm: 1995. Địa chỉ: F Q, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T và La Minh P thường tụ tập, chơi chung với nhau. Do cần tiền tiêu xài nên T và P rủ nhau đi chiếm đoạt tài sản của người đi đường bán chia nhau tiêu xài. Cả hai đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 18/10/2023, P điều khiển xe máy biển số 59S3-501.68 chở Ngô Khả V (sinh ngày 22/5/2008) đến nhà của Nguyễn Thanh T tại địa chỉ G Khu phố C, phường T, Quận A chơi. Trong lúc V đi vệ sinh, T rủ P đi cướp giật tài sản. P đồng ý và hỏi V mượn xe máy nhưng nói là để chở T đi mua đồ ăn, V đồng ý và ngồi chờ tại nhà của T. Sau đó, T điều khiển xe máy chở P đi lòng vòng trên địa bàn xã N để tìm người có tài sản. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi lưu thông trên

tuyến đường N, trước nhà số D, Tổ G, Ấp B, xã N, huyện H, phát hiện anh Lê Tuấn K1 đang điều khiển xe đạp điện lưu thông cùng chiều, tay trái cầm điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro. T và P thống nhất cướp giật điện thoại của anh K1. Do đã chạy vượt qua xe của anh K1 nên T điều khiển xe máy vòng lại, chạy ngược chiều rồi cho xe máy áp sát vào bên trái xe của anh K1 để P ngồi sau giật điện thoại, T tăng tốc độ tẩu thoát. Anh K1 truy hô và đuổi theo nhưng không kịp, đến ngày 19/10/2023 đến Công an xã N, huyện H trình báo. T và P quay về nhà của T nhưng không nói cho V biết đã cướp giật được điện thoại.

Đến 20 giờ ngày 18/10/2023, P và T rủ V đi chơi và ăn tối. P điều khiển xe máy, V ngồi giữa, T ngồi sau. Cả ba lưu thông trên tuyến đường N. Khi đến khu đất trống, thuộc Tổ B, Ấp A, xã N, huyện H, T phát hiện bà Phạm Thị L điều khiển xe máy biển số 53Y9-9063 lưu thông hướng ngược chiều. T kêu P vòng xe lại rồi chỉ tay về hướng bà L. P hiểu ý T là chặn xe bà L lấy tài sản nên cho xe ép sát vào bên trái rồi chặn ngang đầu xe của bà L (cách khoảng 1m). Bà Phạm Thị L dừng lại và xuống xe, hai tay vịn vào tay lái xe. T, P, V vẫn ngồi trên xe, T hỏi bà L xin tiền, nhưng bà L nói không có tiền nên P điều khiển xe chở V tiến về phía trước cách xe của bà L khoảng 05 mét. Riêng T xuống xe đi lại gần và tiếp tục xin tiền nhưng bà L không cho và nói nhà ở gần, nếu đến nhà thì sẽ lấy tiền cho và dự định lên xe điều khiển đi. Thấy vậy, P xuống xe, kêu T rút chìa khóa để bà L không đi được. T dùng chân đạp vào xe làm cả xe và bà L ngã xuống đường. P đi vòng ra phía sau, dùng tay trái giữ hai tay của bà L ôm ghì vào người, tay phải bịt miệng bà L. T lục áo khoác của bà L lấy điện thoại di động rồi cả hai chạy lên xe máy kêu V điều khiển đi. V điều khiển xe chở T và P đến cầu P dừng xe lại. Lúc này T nói cho V biết việc T và P vừa cướp điện thoại di động của bà L và nói với P đi bán điện thoại lấy tiền tiêu xài. T điều khiển xe chở P và V đến tiệm C tại Phường H, quận G, T mang điện thoại vừa cướp của bà L bán cho Nguyễn Văn N được 1.000.000 đồng, T và P chia mỗi người được 500.000 đồng và đã tiêu xài hết. Bà L trình báo sự việc đến Công an xã N, huyện H.

Riêng điện thoại di động cướp giật được của anh K1 thì P cất giấu trong người. Do điện thoại có cài định vị nên khoảng 18 giờ ngày 19/10/2023, khi T, V, P đang ở tại cầu P thì bị Công an huyện H triệu tập đến làm việc. T và P khai nhận hành vi cướp giật tài sản của anh K1 và cướp điện thoại của bà L như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Ngô Khả V, La Minh P và Nguyễn Thanh T đều khai nhận: P và T không bàn bạc với V về việc chiếm đoạt tài sản của bà L. Khi P, T dùng vũ lực để chiếm đoạt điện thoại của bà L, V ngồi trên xe máy cách xe của bà L khoảng 5m, mũ của áo khoác trùm qua đầu, mặt hướng về phía trước và không quay đầu nhìn về phía bị hại nên không biết diễn biến ở phía sau lưng. Đến khi T và P lên xe kêu chạy đi, V cho rằng cả hai không xin được tiền nên bỏ chạy. Khi đến cầu P, T kể lại thì V mới biết và cùng với T, P đi bán điện thoại di động vừa chiếm đoạt được.

Kết luận định giá tài sản số 147/KL-HĐĐGTS ngày 24/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện H kết luận: 01 điện thoại di động hiệu S2 A71 128Gb màu xanh dương số tiền 2.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11Pro 64Gb, màu S1 (bạc) số tiền 7.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 113/Ctr-VKS ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố

các bị cáo Nguyễn Thanh T, La Minh P về tội “Cướp tài sản”, theo khoản 1 Điều 168 và tội “Cướp giết tài sản” điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn giữ quyền công tố tại phiên tòa xác định: Căn cứ vào lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thanh T, La Minh P phạm tội “Cướp tài sản”, theo khoản 1 Điều 168 và tội “Cướp giết tài sản” điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Cướp tài sản”, từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù tội “Cướp giết tài sản”; bị cáo La Minh P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Cướp tài sản”, từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù tội “Cướp giết tài sản” và tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T - bà Trần Thị H3 là Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H xác định: nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”, theo khoản 1 Điều 168 và tội “Cướp giết tài sản” điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội” là chưa phù hợp. Ngoài ra, cần xem xét: bị cáo có nhân thân tốt, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa những sai lầm trong thời gian qua.

Người bào chữa cho bị cáo La Minh P - bà Trần Đồng Minh N1 Kim Khánh là Trợ giúp viên pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H xác định: nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội “Cướp tài sản”, theo khoản 1 Điều 168 và tội “Cướp giết tài sản” điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét bị cáo có nhân thân tốt, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn; hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa những sai lầm trong thời gian qua.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh T, La Minh P cùng khai nhận:

Khoảng 17 giờ ngày 18/10/2023, Nguyễn Thanh T điều khiển xe máy biển số 59S3-501.68 chở La Minh P đi lòng vòng trên địa bàn xã N, huyện H để tìm người có tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi lưu thông trên tuyến đường N, trước nhà số D, Tổ G, Ấp B, xã N, huyện H phát hiện anh Lê Tuấn K1 đang điều khiển xe đạp điện lưu thông cùng chiều, trên tay trái cầm điện thoại di động. Nguyễn Thanh T điều khiển xe máy vòng lại, đi ngược chiều rồi cho xe áp sát vào bên trái xe của anh K1, La Minh P ngồi sau giật điện thoại của anh K1 và sau đó cả hai tẩu thoát.

Đến 20 giờ ngày 18/10/2023, Nguyễn Thanh T, La M cùng Ngô Khả V đi chơi trên cùng xe máy và lưu thông trên đường N. Khi đến khu đất trống, thuộc Tổ B, Ấp A, xã N, huyện H, Nguyễn Thanh T phát hiện bà Phạm Thị L điều khiển xe máy lưu thông ngược chiều. La Minh P cho xe quay đầu, ép sát vào bên trái rồi chặn ngang đầu xe của bà Phạm Thị L, Nguyễn Thanh T hỏi xin tiền nhưng không có nên La Minh P điều khiển xe chở Ngô Khả V về phía trước cách xe của bà Phạm Thị L khoảng 05 mét. Nguyễn Thanh T và La Minh P xuống xe quay lại tiếp tục xin tiền, nhưng bà Phạm Thị L nói không có, nên cả hai dùng vũ lực chiếm đoạt 01 điện thoại di động của bà Phạm Thị L. Sau đó, cả hai lên xe máy do Ngô Khả V điều khiển đến cầu P thì dừng lại. Tại đây, Nguyễn Thanh T nói cho Ngô Khả V biết việc Nguyễn Thanh T và La Minh P vừa chiếm đoạt điện thoại di động của bà Phạm Thị L. Sau đó, Nguyễn Thanh T điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Đ tại Phường H, quận G lấy điện thoại vừa cướp bán cho ông Nguyễn Văn N được 1.000.000 đồng, Nguyễn Thanh T và La Minh P chia mỗi người được 500.000 đồng và tiêu xài hết. Đến 18 giờ ngày 19/10/2024 Công an huyện H triệu tập 02 bị cáo đến làm việc đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại tòa. Từ đó, đủ cơ sở chứng minh các bị cáo Nguyễn Thanh T và La Minh P có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động trị giá 7.000.000 đồng của anh Lê Tuấn K1 tại trước nhà số D, Tổ G, Ấp B, xã N, huyện H và dùng vũ lực chiếm đoạt 01 điện thoại di động trị giá 2.000.000 đồng của bà Phạm Thị L tại khu đất trống, thuộc Tổ B, Ấp A, xã N, huyện H vào chiều tối ngày 18/10/2023.

[4] Các bị cáo Nguyễn Thanh T, La Minh P có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo sử dụng xe gắn máy cướp giật điện thoại của anh Lê Tuấn K1 nên thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình

sự. Do đó, Cáo trạng số: 113/Ctr-VKS ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T, La Minh P về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 và tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Điều 171: Tội cướp giật tài sản:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: ...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm”.

[6] Điều 168: Tội cướp tài sản:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm”.

[7] Áp dụng các điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật với lỗi cố ý trực tiếp, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thanh T là người xúi dục và cũng là người thực hành; bị cáo La Minh P là người thực hành tích cực và cả hai bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên vai trò của các bị cáo được đánh giá là ngang nhau. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thanh T xúi giục bị cáo La Minh P là người dưới 18 tuổi phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[8] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo P đã tự bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị L và các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, khi phạm tội các bị cáo Nguyễn Thanh T chưa đủ 18 tuổi, bị cáo La Minh P chưa đủ 16 tuổi, nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với các bị cáo. Từ đó, cần giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[9] Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý Trần Thị H3 và Trần Đồng M1 Ngọc Kim K bào chữa cho các bị cáo đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với các bị cáo là có căn cứ, nên được

Hội đồng xét xử chấp nhận. Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý Trần Thị H3 đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T; Trợ giúp viên pháp lý Trần Đồng Minh Ngọc K đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo La Minh P và ý kiến đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo của hai Trợ giúp viên pháp lý là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với Ngô Khả V đi cùng xe máy với hai bị cáo, nhưng không có bàn bạc và không biết được các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, nên không có căn cứ chứng minh đồng phạm với Nguyễn Thanh T và La Minh P về hành vi “Cướp tài sản”. Riêng hành vi không tố giác tội phạm, Ngô Khả V sinh ngày 22/5/2008 nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Đối với Nguyễn Văn N khi mua điện thoại không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đối với Nguyễn Văn N là phù hợp.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu S2 A71 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11Pro là điện thoại do các bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Tuấn K1 và bà Phạm Thị L, Cơ quan điều tra đã trả cho các bị hại. Đối với xe máy biển số 59S3-501.68, số khung RLHJK0308MY012012, số máy JK03E-0018111 do bà Trần Thị Ngọc A (mẹ ruột của Ngô Khả V) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 18/10/2023, Ngô Khả V tự ý lấy xe đi chơi không xin phép, Cơ quan điều tra đã trả xe cho bà Trần Thị Ngọc A. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra là phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[14] Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 168 và điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 90; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

Căn cứ khoản 1 Điều 168 và điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 90; Điều 91 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo La Minh P.

Căn cứ vào Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số:

326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thanh T** 02 (hai) năm, 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”; 02 (hai) năm, 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giết tài sản”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành là 05 (năm) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 21/10/2023.

Xử phạt: bị cáo **La Minh P** 02 (hai) năm tù về tội “Cướp tài sản”; 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giết tài sản”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo La Minh P phải chấp hành là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 21/10/2023.

Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Thanh T, La Minh P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng);

Án xử sơ thẩm, các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo dưới 18 tuổi có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt không tham gia phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Liên Quân